

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠI CÁC VƯỜN QUỐC GIA Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM

Bùi Thị Minh Nguyệt, Đoàn Thị Hân, Trần Quang Bảo

Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Việt Nam có tiềm năng lớn về tài nguyên rừng, với nhiều giá trị cả trực tiếp và gián tiếp. Một trong những hình thức khai thác giá trị sử dụng gián tiếp của rừng trong thời gian qua là hoạt động cho thuê môi trường rừng. Cho thuê môi trường rừng (MTR) để kinh doanh du lịch sinh thái là hoạt động đang được quan tâm hiện nay tại các khu rừng của Việt Nam, đặc biệt là tại các Vườn quốc gia (VQG). Tại miền Bắc, số lượng các VQG đang thực hiện cho thuê MTR còn rất thấp (3/10 VQG). Với các mô hình cho thuê được nghiên cứu cho thấy, hoạt động cho thuê đã góp phần thu hút khách, tăng nguồn thu, giảm sự đầu tư của Nhà nước cho công tác bảo vệ rừng, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của rừng từ đó tăng trách nhiệm bảo vệ và phát triển rừng. Bài báo đã tập trung nghiên cứu 3 mô hình cho thuê MTR tại VQG miền Bắc là VQG Ba Vì, VQG Tam Đảo và VQG Hoàng Liên để tổng kết tình hình triển khai hoạt động cho thuê MTR, đánh giá thực trạng thực hiện hoạt động cho thuê như diện tích, vị trí thuê, mục đích thuê, giá thuê, quản lý sử dụng tiền thuê, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường từ hoạt động cho thuê MTR... Từ đó đề xuất bổ sung, hoàn thiện chính sách và đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động cho thuê MTR tại các VQG ở miền Bắc Việt Nam.

Từ khóa: Cho thuê môi trường rừng, du lịch sinh thái, môi trường rừng, vườn quốc gia.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam có tiềm năng rất lớn về tài nguyên rừng (khoảng trên 2,1 triệu ha rừng đặc dụng; 4,5 triệu ha rừng phòng hộ và trên 6,7 ha rừng sản xuất) (Cục kiểm lâm, 2018). Theo kết quả nghiên cứu tổng quan và thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, rừng có nhiều giá trị khác nhau về cả giá trị sử dụng (trực tiếp, gián tiếp) và giá trị phi sử dụng. Nhiều nghiên cứu chỉ ra, giá trị sử dụng gián tiếp của rừng chiếm từ 60 - 80% tổng giá trị kinh tế của rừng tạo ra. Hiện nay, các giá trị của rừng tạo ra chưa được khai thác một cách phù hợp, chủ yếu mới khai thác được giá trị trực tiếp, các giá trị gián tiếp khai thác còn khá hạn chế. Một trong các hình thức khai thác giá trị sử dụng gián tiếp của rừng là cho thuê MTR.

Để khuyến khích và thúc đẩy hoạt động cho thuê MTR, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thuê MTR tại các khu rừng đặc dụng. Mô hình thí điểm thuê MTR trong thời gian qua chủ yếu để kinh doanh DLST tại các khu rừng đặc dụng. Sau 5 năm thực hiện thí điểm cho thuê MTR để kinh doanh DLST có một số chú ý như sau: (1) Các khu rừng đặc dụng của Việt Nam có nhiều tiềm

năng về các dịch vụ MTR, việc khai thác các giá trị này của rừng hoàn toàn phù hợp với Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp, mục tiêu Chiến lược quản lý khu bảo tồn, chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2020, và các chính sách của Nhà nước; (2) Việc khai thác các giá trị dịch vụ MTR kinh doanh DLST được thực hiện tương đối đa dạng (tự tổ chức, cho thuê, liên doanh liên kết) nhưng giá trị thu được chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thu hút được các thành phần khác nhau đầu tư kinh doanh DLST; (3) Mới thực hiện cho thuê MTR thông qua đề án thí điểm tại một số VQG, nhiều khu rừng đặc dụng khác chỉ dừng lại ở chương trình và đề án do đây là hình thức hoàn toàn mới ở Việt Nam.

Với những quy định mới trong Luật Lâm nghiệp 2017 và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp nên nhiều vấn đề đặt ra liên quan đến thuê MTR như tăng cường hoạt động cho thuê MTR tại các khu rừng có nhiều giá trị dịch vụ MTR, kiểm soát hoạt động cho thuê MTR tại khu rừng đặc dụng, xác định mức độ tác động, vị trí thuê MTR... cần phải được giải quyết để nâng cao hiệu quả hoạt động thuê MTR tại các VQG của Việt Nam nói chung và VQG miền

Bắc Việt Nam nói riêng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Thực trạng cho thuê MTR tại các VQG miền Bắc Việt Nam.

- Hiệu quả của các mô hình cho thuê MTR tại các VQG miền Bắc Việt Nam.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thuê MTR tại các VQG miền Bắc Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu

- *Thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp*

+ Các báo cáo, thông tin về đặc điểm cơ bản của VQG nghiên cứu.

+ Những báo cáo về hoạt động cho thuê MTR ở các VQG khu vực phía Bắc Việt Nam.

- *Phương pháp thu thập số liệu, thông tin sơ cấp*

Sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu, khảo sát mô hình điển hình trên thực tế, phương pháp chuyên gia để thu thập thông tin.

Đối tượng phỏng vấn: cán bộ quản lý tại các VQG, đơn vị thuê MTR, các tổ chức có liên quan để thu thập thông tin về quan điểm và đánh giá của người được hỏi về thực trạng hoạt động cho thuê MTR.

2.2.2. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

Các số liệu thu thập được kiểm tra và mã hóa phục vụ việc nhập và quản lý dữ liệu.

Các số liệu thu thập sẽ được xử lý và phân tích về mặt định tính theo các nội dung nghiên cứu.

Báo cáo áp dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng các mô hình cho thuê môi trường rừng tại VQG miền Bắc Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở pháp lý cho thuê môi trường rừng tại VQG miền Bắc Việt Nam

Theo Nghị định số 117/2010/NĐ-CP về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng cho phép quy hoạch tại một số phân khu trong VQG và khu BTTN phục vụ hoạt động DLST. Diện tích cho thuê MTR để kinh doanh DLST sẽ được xác định dựa trên căn cứ hiện trạng cụ thể ở từng địa điểm, nguyện vọng của chủ doanh nghiệp và sự cân đối chung của các đơn

vị... để vừa đảm bảo mục tiêu bảo tồn, vừa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động DLST. Phương án thuê MTR phải phù hợp với Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần diện tích cho thuê MTR chỉ được phép phân định bằng bảng, mốc trên hiện trường, mà không được phép xây dựng tường bao quanh làm ảnh hưởng đến mục tiêu bảo tồn của các khu rừng đặc dụng.

Căn cứ vào khoản a, mục 2, Điều 6 Quy chế quản lý các hoạt động DLST tại các VQG, khu BTTN ban hành kèm theo Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN ngày 27/12/2007 của Bộ NN&PTNT thì các chủ rừng cho các tổ chức, cá nhân thuê MTR để kinh doanh DLST kết hợp bảo tồn TNTN trong khu vực thuê. Các đơn vị thuê MTR bỏ vốn đầu tư thiết lập các khu phục vụ DLST trong diện tích được thuê, đảm bảo rừng phát triển và bảo tồn bền vững khu rừng, tạo không gian cảnh quan cho khách thưởng ngoạn và khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm, vui chơi giải trí gắn với bảo vệ rừng. Thiết lập hệ thống dịch vụ phù hợp với điều kiện địa hình, đất đai ở mỗi điểm được thuê MTR để đầu tư xây dựng theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các công trình phải gắn kết chặt chẽ giữa phát triển rừng với DLST, không ảnh hưởng tới cảnh quan và không có tác động xấu đến môi trường.

Theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP các chủ rừng được phép cho các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng kinh doanh DLST, nghỉ dưỡng, giải trí theo đề án DLST, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt.

3.2. Thực trạng cho thuê môi trường rừng tại các VQG miền Bắc Việt Nam

Việt Nam hiện có 164 VQG và khu bảo tồn thiên nhiên với tổng diện tích được quy hoạch trên 2,2 triệu ha. Trong đó, có 6 VQG thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ NN&PTNT, còn lại phân cấp cho các tỉnh. Theo Tổng cục lâm nghiệp, đến hết năm 2017, cả nước có 61/164 vườn quốc gia và KBT đã tổ chức kinh doanh hoạt động DLST, bao gồm: 25/34 VQG và 36/133 BTTN. Tổ chức hoạt động DLST theo 3 hình thức: (i) Tự tổ chức (56 khu); (ii) Liên

doanh, liên kết (11 khu) và (iii) Cho thuê MTR (13 khu).

Về các VQG miền Bắc đang thực hiện cho thuê tính đến năm 2018 thể hiện trên bảng 1.

Bảng 1. Các VQG miền Bắc Việt Nam đang thực hiện cho thuê MTR

| TT | Tên VQG (Tỉnh) | Năm thành lập | Diện tích (ha) | Cho thuê MTR |
|----|---|---------------|----------------|--------------|
| 1 | VQG Ba Bể (Bắc Kạn) | 1992 | 10.048,0 | |
| 2 | VQG Ba Vì (Hà Nội) | 1991 | 11.462,0 | Đã cho thuê |
| 3 | VQG Bái Tử Long (Quảng Ninh) | 2001 | 15.783,0 | |
| 4 | VQG Cát Bà (Hải Phòng) | 1986 | 15.200,0 | |
| 5 | VQG.Cúc Phương (Ninh Bình – Thanh Hóa – Hòa Bình) | 1962 | 22.408,0 | |
| 6 | VQG Hoàng Liên (Lai Châu - Lào Cai) | 1996 | 28.509,0 | Đã cho thuê |
| 7 | VQG Tam Đảo (Tuyên Quang – Vĩnh Phúc - Thái Nguyên) | 1986 | 32.877,3 | Đã cho thuê |
| 8 | VQG Xuân Sơn (Phú Thọ) | 2002 | 15.048,0 | |
| 9 | VQG Xuân Thủy (Nam Định) | 2003 | 7.126,0 | |
| 10 | VQG Phia Oắc - Phia Đén (Cao Bằng) | 1986 | 10.593,5 | |

Nguồn: Tổng hợp

Trong tổng số 10 VQG ở miền Bắc, có 3 VQG đã tiến hành cho thuê MTR để thực hiện kinh doanh DLST, 7 VQG còn lại chưa tiến hành hoạt động cho thuê MTR, có VQG thì thực hiện liên doanh liên kết với các đơn vị để kinh doanh DLST như: VQG Cát Bà, VQG Cúc Phương...

Trong những năm qua, khi nhận thức được vai trò của hoạt động cho thuê MTR, nên một số VQG đã và đang tiến hành cho thuê, kết quả

thực hiện như sau:

- *Diện tích và vị trí cho thuê môi trường rừng*

Hoạt động cho thuê MTR chủ yếu thực hiện ở các VQG; Diện tích cho thuê được xác định cụ thể cho từng đối tượng căn cứ vào năng lực của đơn vị và vị trí thuê. Kết quả cho thấy, diện tích cho thuê chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng diện tích quản lý của VQG và rất nhỏ so với cả diện tích quy hoạch cho thuê MTR.

Bảng 2. Bảng tổng hợp diện tích cho thuê MTR tại các VQG miền Bắc

| TT | Đơn vị | Vị trí thuê | Diện tích đã cho thuê (ha) | DT có thể cho thuê (ha) | Mục đích thuê |
|----|----------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1 | VQG Ba Vì | Phân khu phục hồi sinh thái | 523,00 | 2.555,20 | DLST |
| 2 | VQG Hoàng Liên | Phân khu phục hồi sinh thái | 976,56 | | Xây dựng hệ thống cấp nước |
| 3 | VQG Tam Đảo | Phân khu hành chính- dịch vụ | 48,00 | 1.703,90 | DLST |

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các VQG

Trong các VQG đang cho thuê MTR, VQG Ba Vì là một trong những VQG thực hiện sớm nhất theo đề án thí điểm thuê MTR và cũng là đơn vị có số lượng doanh nghiệp thuê nhiều nhất cả nước hiện nay. Đối với VQG Hoàng Liên có nhiều tiềm năng để thu hút các đơn vị thuê MTR kinh doanh DLST, nhưng hiện tại

mới ký xong hợp đồng thuê MTR để xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho người dân Sa Pa. VQG Tam Đảo hoạt động cho thuê MTR kinh doanh DLST đã thực hiện tại khu vực suối Trường Sinh - Thung lũng Long Vân, thuộc phân Khu Dịch vụ - Hành chính. Mục đích thuê MTR tại VQG chủ yếu kinh doanh DLST,

điều này hoàn toàn phù hợp với đối tượng rừng có nhiều giá trị du lịch và nhu cầu của xã hội hiện đại.

- *Đối tượng thuê môi trường rừng:*

Xác định và lựa chọn đối tượng cho thuê được coi là vấn đề quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện cho thuê MTR tại các VQG. Tiêu chí đối với đối tượng thuê MTR

tùy thuộc vào đặc thù từng vườn, về cơ bản có một số tiêu chí như sau: Đơn vị thuê MTR phải có phương án kinh doanh DLST phù hợp với quy định của pháp luật, có năng lực quản lý và khả năng tài chính, có cán bộ chuyên môn nghiệp vụ quản lý du lịch, có vốn điều lệ lớn hơn kinh phí dự kiến đầu tư vào khu du lịch...

Bảng 3: Các đơn vị thuê MTR kinh doanh DLST tại VQG đến năm 2018

| VQG | Đơn vị thuê | Thời hạn thuê | Mức độ triển khai |
|------------|--|---------------|-------------------|
| Ba Vì | CTCP Tập đoàn XD và DL Bình Minh. | 50 năm | Đang cho thuê |
| | CTCP Hóa dầu quân đội | 50 năm | |
| | CT công nghệ Việt Mỹ | 50 năm | |
| Hoàng Liên | Tổng Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam | 50 năm | Đang cho thuê |
| Tam Đảo | Công ty cổ phần Trường Giang - Tam Đảo | 50 năm | Đang cho thuê |

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo các Vườn quốc gia.

Đối với VQG Ba Vì, trước khi ký hợp đồng thuê MTR các đơn vị thuê phải ký quỹ tại ngân hàng 10% kinh phí dự kiến đầu tư vào khu dịch vụ DLST để khẳng định quyết tâm đầu tư và được sử dụng dần theo tỷ lệ % vào việc xây dựng khu dịch vụ du lịch.

Bên cạnh việc kinh doanh DLST, VQG Ba Vì còn là chủ thể quản lý trong công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nhằm kiểm soát hoạt động của các công ty thuê MTR tránh tác động đến tài nguyên rừng, Ban quản lý Vườn đã giao cho Hạt kiểm lâm là đơn vị chịu trách nhiệm giám sát và tham gia trực tiếp vào công tác cho thuê MTR, đồng thời có văn bản báo cáo hàng năm

về tình hình hoạt động thuê MTR trên địa bàn.

- *Thời gian cho thuê:*

Thời hạn cho thuê được quy định phải phù hợp với thời gian thuê đất và thời gian thực hiện dự án nhưng không quá 50 năm, sau mỗi chu kỳ 5 năm, cơ quan chủ quản sẽ xem xét quyết định tiếp tục hợp đồng hay không dựa trên kết quả đánh giá tác động môi trường và việc chấp hành các nguyên tắc đã được thỏa thuận. Hiện nay, các đơn vị thuê MTR tại VQG Ba Vì được điều chỉnh thời gian xuống còn 30 năm.

- *Giá cho thuê:*

Bảng 4: Tổng hợp kết quả tính giá thuê môi trường rừng tại VQG

| VQG | Đơn vị thuê | Giá cho thuê (đ/ha/năm) |
|------------|-----------------------------|--|
| Ba Vì | KDL Khoang Xanh – Suối Tiên | 691.947 |
| | KDL Thiên Sơn – Suối Ngà | 570.921 |
| | KDL Thác Đa | 377.856 |
| | KDL Ao Vua | 632.477 |
| | Du lịch Suối Mơ | 200.000 |
| | Du lịch Tiên Sa | 200.000 |
| Hoàng Liên | | |
| Tam Đảo | Các địa điểm cho thuê | - Thỏa thuận giữa bên thuê và bên cho thuê nhưng không quá 2% doanh thu. - Điều chỉnh 5 năm 1 lần |

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các VQG.

Cơ sở pháp lý tính giá cho thuê MTR: Áp dụng thông tư 65/2008/TTLB-BNN-BTC ngày 26/5/2008 của Bộ NN&PTNT và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2007/NĐ-CP ngày 28/3/2007 của Chính Phủ về nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng. Để thực hiện cho thuê MTR, khó khăn lớn nhất là xác định giá thuê, mỗi VQG hiện nay đều có phương pháp xác định giá thuê riêng như thành lập ban xây dựng giá (VQG Ba Vì), hoặc theo mức giá sàn quy định và do 2 bên thỏa thuận nhưng không quá 2% doanh thu.

Việc xác định đơn giá cho thuê cũng dựa trên cơ sở các yếu tố về vị trí địa lý, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên rừng và đầu tư của nhà nước về cơ sở hạ tầng, các công trình lâm sinh... các lợi thế văn hóa - xã hội khác trong khu vực thời điểm định giá.

- Phương thức trả tiền thuê:

Phương thức thanh toán có thể chọn nhiều hình thức như thanh toán 1 năm/lần vào quý I hàng năm hoặc 1 lần cho cả thời hạn hợp đồng. Mỗi VQG áp dụng các phương thức khác nhau. Nhưng chủ yếu các VQG thanh toán 1 năm 1 lần.

- Quản lý và sử dụng tiền thuê:

Từ thực tế cho thấy, nguồn thu từ cho thuê MTR đa số các VQG đều phải nộp lại ngân sách nhà nước. Các đơn vị lập dự toán sử dụng tiền thuê MTR theo quy định hiện hành và được phê duyệt để sử dụng. Mục đích chính vẫn là đầu tư lại cho BV&PTR, cải tạo cảnh quan môi trường.

Tiền thu được từ hoạt động thuê MTR dùng cho những mục đích nào đều được quy định trong văn bản của từng VQG trên quan điểm không vi phạm các quy định chung của nhà nước về quản lý tài chính và các vấn đề khác.

3.3. Hiệu quả cho thuê môi trường rừng tại VQG miền Bắc

- Hiệu quả kinh tế:

Cho thuê MTR đã góp phần tăng số lượng khách đến VQG. Hầu hết các mô hình cho thuê cho thấy số lượng du khách đến tham quan tăng, cả tại Vườn và các công ty thuê MTR.

Tại VQG Ba Vì, số lượng khách tăng mạnh từ 216.050 lượt khách năm 2015 lên 379.830 lượt khách vào năm 2017. Doanh thu từ du lịch tăng mạnh tại các VQG Ba vì từ 8,3 tỷ năm 2015 lên 19,6 tỷ năm 2017.

Đơn vị cho thuê từng bước chủ động được một phần nguồn kinh phí thông qua nguồn thu từ các dịch vụ DLST, cho thuê MTR để tái đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo vệ rừng, giảm sự hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước. Tại VQG Ba Vì, việc cho thuê đã giúp Vườn cắt giảm phần tiền khoán QLBRV mà Nhà nước hàng năm phải thanh toán cho người nhận khoán, đồng thời hình thành nguồn vốn bổ sung cho công tác QLBRV tại Vườn. Năm 2008, Vườn có nguồn thu từ việc cho thuê 743,4 ha rừng thuộc phân khu phục hồi sinh thái là 304,09 triệu đồng/năm. Tổng số tiền Vườn thu được sau 4 năm (năm 2008 - 2011) từ hoạt động cho thuê MTR là 1.582 triệu đồng. Việc tăng nguồn thu đã giúp Vườn cải thiện đời sống CBCNV và giảm kinh phí đầu tư của Nhà nước. Tuy nhiên, nguồn thu từ cho thuê MTR còn chiếm tỷ trọng nhất nhỏ, không tương xứng với tiềm năng của Vườn.

Hàng năm, tại các đơn vị nhận thuê MTR cũng đầu tư hàng trăm triệu đồng để thực hiện công tác bảo vệ, phòng cháy chữa cháy. Vì vậy, hoạt động BV&PTR của các đơn vị thuê MTR đã góp phần duy trì và phát triển nguồn tài nguyên rừng tốt hơn. Khi rừng được bảo vệ tốt hơn, diện tích rừng tăng lên sẽ góp phần hấp dẫn khách du lịch đến với Vườn và các khu du lịch. Vì vậy, chính sách "*thuê môi trường rừng làm DLST*" là hướng giải quyết tích cực để bảo vệ tài nguyên rừng và tăng khả năng khai thác dịch vụ DLST.

- Hiệu quả xã hội:

Chính sách cho thuê MTR tại VQG đã góp phần tạo việc làm cho người dân địa phương với thu nhập tương đối ổn định. Bên cạnh đó, chính sách cho thuê MTR còn tạo hàng nghìn cơ hội việc làm gián tiếp cho người dân địa phương như bán hàng, hướng dẫn du lịch, dịch vụ ăn uống... giúp người dân tăng thu nhập, giảm thiểu sức ép lên môi trường rừng. Tại

VQG Ba Vì cho thuê MTR đã góp phần tạo việc làm cho 1576 người dân địa phương với thu nhập tương đối ổn định, bao gồm 490 người lao động trong biên chế thường xuyên của các khu DLST với thu nhập bình quân 1.200.000 - 1.500.000 đồng/người/tháng; 305 người lao động hợp đồng công việc không thường xuyên có thu nhập từ 1.500.000-2.000.000 đồng/người/tháng; 781 người làm dịch vụ (chụp ảnh, bán đồ, lưu niệm, hàng hóa và dịch vụ ăn uống...) có thu nhập bình quân 600.000 - 800.000 đồng/người/tháng (Báo cáo tổng kết đề án thí điểm cho thuê MTR, 2008).

- *Hiệu quả môi trường:*

Sau khi thực hiện chính sách cho thuê MTR thì diện tích có rừng tại khu vực đã tăng. Ngoài ra, các công ty thuê MTR còn xây dựng hệ thống cột mốc, bao gồm: mốc các lô, mốc các khu như: khu tác động hoạt động DLST, khu bảo vệ nghiêm ngặt, khu được sử dụng xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ DLST. Tại VQG Ba Vì sau khi thực hiện chính sách cho thuê MTR thì diện tích có rừng tại khu vực đã tăng 40,2% so với ban đầu. Tổng diện tích bị chuyển đổi mục đích sử dụng để làm đường mòn, điểm nghỉ ngơi dừng chân là 16,2 ha (rất nhỏ so với tổng diện tích thuê).

Kinh tế phát triển, nhận thức của người dân được nâng cao, môi trường, cảnh quan trong khu du lịch được bảo vệ và tôn tạo.

3.4. Những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết đối với các VQG khi thực hiện cho thuê môi trường rừng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP

Chính sách cho thuê MTR dần được hoàn thiện, hiện nay đã được quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Lâm nghiệp, tuy nhiên các quy định còn rất hạn chế, chưa bao trùm đầy đủ các nội dung của chính sách cho thuê MTR. Một số tồn tại được tổng hợp như sau:

+ Ngay tại điều 1 của Nghị định - Phạm vi điều chỉnh - Nội dung về cho thuê môi trường rừng chưa được ghi nhận với tư cách là một nội dung quan trọng trong nội dung của Nghị định;

+ Chưa quy định rõ ràng về hoạt động cho

thuê MTR sẽ được thực hiện trên phần rừng và đất rừng thuộc loại hình sở hữu nào. Quy định chưa rõ ràng như vậy có thể dẫn đến hệ lụy là rừng thuộc sở hữu tư nhân thì có nhất thiết phải thực hiện các quy trình về xây dựng, thẩm định, cấp phép với dự án đầu tư... liên quan đến thuê MTR hay không;

+ Mục đích thuê MTR cũng cần phải được mở rộng thêm so với quy định trong Nghị định. Nếu so với các quy định trước đây thì có sự thu hẹp, cụ thể là hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, sản xuất lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng... Nội dung điều 14 Nghị định không xác định hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo là nội dung của hoạt động thuê MTR mà như là hoạt động độc lập. Mặt khác, xuất phát từ thực tiễn, hoạt động thuê MTR để trồng cây dược liệu, lâm sản khác đã có ở một vài địa phương, vì vậy có cần phải bổ sung thêm quy định về thuê MTR nhằm thực hiện nhiều mục đích đa dạng hơn không? Nhưng mục đích thuê khác cần có những quy định gì? có được phép thuê không, ở loại rừng nào... cần được tiếp tục nghiên cứu.

+ Thời hạn thuê MTR như trong Nghị định là 30 năm. So với các quy định trước đây thời hạn quy định trong Nghị định ngắn hơn. Đối chiếu với các quy định có liên quan như thời hạn thực hiện dự án đầu tư trong Luật Đầu tư, thời hạn thuê đất trong quy định của Luật Đất đai thì quy định về thời hạn như vậy là chưa phù hợp, điều này cũng gây ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư khi bỏ vốn đầu tư vào một lĩnh vực đang rất cần sự ưu tiên của nhà nước. Bên cạnh đó, có những hoạt động chỉ khai thác lợi ích, tài sản, tài nguyên có sẵn của môi trường để kinh doanh thì thời gian thuê sẽ là bao nhiêu? Có cần phải quy định về thời gian quá dài cho các tổ chức, cá nhân thuê MTR nhưng không cần đầu tư mà chỉ tận dụng tài nguyên sẵn có để kinh doanh hay không?

+ Giá cho thuê như trong Nghị định có phần chưa phù hợp, mặc dù đã hợp lý hơn so với quy định trước đây, việc quy định giá thuê không thấp hơn 1% tổng doanh thu là giá sàn quá thấp với mức trung bình. Giá cho thuê

MTR của các chủ rừng nên/còn được tính thêm mức hệ số phù hợp với từng loại rừng, khu vực có rừng, tính đa dạng sinh học, cảnh quan của rừng và các giá trị khác... Cần bổ sung thêm các quy định về phương thức lựa chọn giá thuê đa dạng, phù hợp hơn.

+ Bên thuê phải có dự án chỉ nên áp dụng đối với trường hợp bên thuê là tổ chức trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đối với cá nhân trong nước (mà không thành lập doanh nghiệp để thực hiện thuê MTR), hộ gia đình, cộng đồng dân cư thì có thể chỉ cần bản đề án mô tả hoạt động triển khai, quản lý, khai thác dịch vụ MTR (hoặc thậm chí chỉ cần những cam kết trong Hợp đồng là đủ, bởi đối tượng này thường chỉ chọn lĩnh vực riêng lẻ để thực hiện việc thuê MTR).

+ Để đảm bảo triển khai được chính sách trong thực tế cần có những hướng dẫn cụ thể, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, sự phối hợp của các bên liên quan.

+ Các mô hình cho thuê cần được nghiên cứu và nhân rộng, đây là những mô hình thực tiễn để các đối tượng khác nhau quan tâm tham khảo. Bên cạnh đó cần tiếp tục có những đề án thí điểm cho thuê MTR khác để khai thác đầy đủ giá trị của rừng.

3.5. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thuê MTR tại VQG miền Bắc

Hoàn thiện hệ thống chính sách, thủ tục và tiêu chí liên quan đến thuê MTR nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động thuê MTR.

Các VQG cần chủ động trong việc rà soát quy hoạch, lập đề án phát triển DLST tránh ảnh hưởng đến những tính đa dạng, tự nhiên, đặc trưng của VQG. Tránh tình trạng khi có đơn vị thuê mới tiến hành thực hiện sẽ gây mất thời gian, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư.

Thực hiện các biện pháp để quản bá hình ảnh của VQG, công khai trên các phương tiện về các đề án phát triển DLST, công khai vị trí, diện tích, giá thuê để các nhà đầu tư quan tâm có đầy đủ thông tin.

Xây dựng và củng cố các tuyến, điểm

DLST nhằm khai thác tốt cảnh quan thiên nhiên nhưng vẫn đảm bảo tính toàn vẹn, bền vững hệ sinh thái tự nhiên tại VQG.

Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông và nâng cấp các tuyến đường đến các điểm du lịch của VQG để tạo thuận lợi phát triển DLST.

Đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút được các nhà đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình hoàn thành thủ tục đầu tư. Khuyến khích thực hiện xã hội hóa đầu tư; bảo vệ, tôn tạo di tích, thắng cảnh; bảo tồn và phục dựng các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề phục vụ phát triển du lịch.

4. KẾT LUẬN

Trong điều kiện các nguồn tài chính cần thiết cho công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường hạn chế, tiềm năng phát triển du lịch tại VQG rất lớn. Việc cho thuê môi trường rừng để kinh doanh DLST là cần thiết và có cơ sở để thực hiện. Điều cần thiết là cần phải có các tiêu chí rõ ràng, có sự ràng buộc trách nhiệm của các bên liên quan trong việc khai thác, hưởng lợi các lợi ích từ rừng. Các quy định cần thiết liên quan đến thuê MTR như loại rừng, vị trí thuê, diện tích thuê, mục đích thuê, giá thuê, quản lý sử dụng tiền thuê... cần hết sức rõ ràng, minh bạch và công khai. Để hạn chế được điều này, cần phải có một hành lang pháp lý chi tiết điều chỉnh hoạt động cho thuê MTR. Bên cạnh đó, vai trò của chủ rừng rất quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động thuê MTR như tính chủ động của chủ rừng, tình hình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện cho thuê MTR...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2008). *Báo cáo hoạt động thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng*. Hà Nội.
2. Bộ nông nghiệp & phát triển nông thôn (2007), *Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN, ngày 27/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên*, Hà Nội.
3. Cục Kiểm lâm (2008), *Báo cáo tổng kết đề án thí*

điểm sử dụng môi trường rừng đặc dụng để phát triển du lịch sinh thái và giáo dục hướng nghiệp tại VQG Ba Vì, Hà Nội.

4. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái: Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

5. Bùi Thị Minh Nguyệt (2013). “*Chính sách thuê*

môi trường rừng tại các VQG ở khu vực phía Bắc Việt Nam, nghiên cứu tại VQG Ba Vì, Tam Đảo, Bến En”. Báo cáo Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

6. Bùi Thị Minh Nguyệt và nhóm nghiên cứu (2018), Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các mô hình làm cơ sở đề xuất chính sách cho thuê MTR ở Việt Nam, Đề tài cấp bộ.

ENHANCING THE EFFICIENCY OF FOREST ENVIRONMENT LEASE IN NATIONAL PARKS IN NORTH VIETNAM

Bui Thi Minh Nguyet, Doan Thi Han, Tran Quang Bao

Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

Vietnam has great potential for forest resources, with many values both direct and indirect. One of the forms of exploiting the value of indirect use of forests in the past is the forest environment leasing activity. Forest environmental leasing (FEL) for ecotourism business is currently an active activity in Vietnam's forests, especially in National Parks (NPs). In the North, the number of national parks currently under lease for FEL is very low (3/10 NPs). With the forest environmental leasing models studied, leasing activities have contributed to attracting customers, increasing revenues, reducing the State's investment in forest protection, job creation and income increase local people, contributing to raising social awareness about the role of forests, thereby increasing the responsibility of forest protection and development. The paper focused on 3 models of FEL in Ba Vi National Park, Tam Dao National Park and Hoang Lien National Park to review the situation of implementing FEL activities, assess the actual status of leasing activities as leasing area, location for lease, leasing purpose, leasing price, management of leasing money, economic, social and environmental benefits from FEL activities. Since then, it is recommended to supplement, improve policies and provide some solutions to improve the efficiency of FEL activities in the National Parks in Northern Vietnam.

Keywords: Ecotourism, forest environment, forest environment lease, national park.

Ngày nhận bài : 21/02/2019

Ngày phản biện : 29/5/2019

Ngày quyết định đăng : 05/6/2019